TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh 1993. Địa chỉ: Ấp N xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Thạch Sa N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân*: Vào năm 2012 được mai mối nên chị và anh Sa N xác lập quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh Sa N không lo làm ăn, đi uống rượu bia say về kiếm chuyện chửi, đánh đập chị, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng cho đến năm 2015 chị trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân

cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu ly hôn với anh Thạch Sa N.

+ *Về con chung*: Vợ chồng chung sống không có con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Thạch Sa N, mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Sa N không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh Thạch Sa N vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con chung không có, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu. Bị đơn anh Thạch Sa N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị H ly hôn anh Sa N. Về con chung: không có, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị H và anh Sa N là tranh chấp về ly hôn; Bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay anh Thạch Sa N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Thạch Sa N.

[2] *Về hôn nhân*: Chị H và anh Sa N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/02/2012 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị H và anh Sa N hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị H xin ly hôn anh Sa N, thì thấy rằng lời khai của chị H trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cải vã nhau, sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ năm 2015 cho đến nay, thời

gian ly thân chị H và anh Sa N không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không gặp nhau để thỏa thuận đoàn tụ, chị H trình bày không còn tình cảm với anh Sa N; mặc khác qua xác minh của Tòa án thì mẹ anh Sa N trình bày là sau khi cưới, chị H và anh Sa N sống chung với bà khoảng 7 – 8 tháng thì vợ chồng đi Sài Gòn làm thuê, không biết vì lý do gì chị H bỏ nhà đi từ năm 2015 cho đến nay. Khi nhận các bản tố tụng của Tòa án, bà có báo cho anh Sa N biết việc chị H xin ly hôn, anh Sa N có về Tòa án giải quyết hay không thì bà không biết; về phía anh Sa N biết việc chị H gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh Sa N không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét về hôn nhân của anh chị, điều đó chứng minh rằng anh Sa N không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị H. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Sa N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn là tự nguyện có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh Sa N không có con chung nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả của vợ chồng:* Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Thạch Sa N.

- *Về con chung:* Chị H và anh Sa N không có con chung nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả của vợ chồng:* Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010796 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh